TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN N** **THÀNH PHỐ C**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HN-ST
Ngày: 10/01/2023
V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Cao Thị Thanh Trúc.**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: - Bà **Đỗ Thị Lệ Hằng**
- Bà **Nguyễn Thị Ngọc Thu.**
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà **Trần Thị Kiều Trang** – Cán bộ Tòa án nhân dân quận N.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, thành phố C xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 607/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 995/2022/QĐST-HN ngày 05 tháng 12 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 362/2022/QĐST – HN ngày 20 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thúy N,** sinh năm 1994.

Địa chỉ: 110 Bis, CMT8, P. K, Q. N, Tp. C.

Địa chỉ liên hệ: 178, đường 30/4, P. A, Q. N, Tp. C.

* *Bị đơn*: Ông **Hồ Tuấn Đ,** sinh năm 1992

Địa chỉ: 110 Bis, CMT8, P. K, Q. N, Tp. C.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn xin ly hôn đề ngày 29 tháng 6 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy N trình bày:*** Bà và ông Hồ Tuấn Đ tự tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, lễ cưới tổ chức vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND phường K, quận N, thành phố C ngày 24/01/2018. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm dẫn đến cãi vả. Vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2021 đến nay. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ.

Về con chung; tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án tiến hành triệu tập bị đơn ông Hồ Tuấn Đ tuy nhiên ông vắng mặt không lý do. Do vậy sau khi tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Đ.

Tại phiên tòa, bà N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông Đ vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà N, ông Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định nên xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên bà N có đơn khởi kiện. Xác định quan hệ pháp luật là "Xin ly hôn" được quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án tiến hành triệu tập ông Đ tuy nhiên ông vắng mặt không lý do. Do vậy sau khi tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Đ là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà N, ông Đ xây dựng hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Do cuộc sống chung không hạnh phúc nên ông, bà ly thân nhau từ năm 2021 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án có triệu tập các bên đến hòa giải nhằm tạo điều kiện cho các bên có cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng ông Đ luôn vắng mặt cho thấy ông không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bản thân bà N xác định không còn tình cảm và yêu cầu được ly hôn cho thấy bà cũng không còn thiết tha với cuộc hôn nhân này. Xét thấy, hôn nhân là sự tự nguyện của cả 02 bên, nếu một bên không muốn tiếp tục thì dù có duy trì cũng không mang lại hạnh phúc. Do vậy nên chấp nhận nguyện vọng của bà N là cho bà được ly hôn vớiông Đ .

[4] Về con chung: Không có

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N xác định không có. Do ông Đ vắng mặt nên cần tách ra, nếu sau này có phát sinh tranh chấp các bên sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

[6] Về án phí: Bà N phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 147, 227 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Thúy N được ly hôn với ông Hồ Tuấn Đ.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tách ra nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thúy N phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng mà bà đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000011 ngày 15/9/2022.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Đ thời hạn kháng cáo tính từ ngày niêm yết bản án.

Nôi nhaän:
THAÅM
- TAND TP Caàn Thô "ñeå baùo caùo".
toøa
- VKSND TPCT, Q. N "ñeå theo doõi".
- Caùc ñöông söï "ñeå bieát".
- THA DS Q. N "ñeå thi haønh".
- UBND P. K.
- Löu hoà sô Daân söï.

TM . HOÄI ÑOÀNG XEÙT XÖÛ SÔ
Thaåm phaùn - Chuû toïa phieân

Cao Thò Thanh Truùc

Các hội thẩm nhân dân **Chủ tọa phiên tòa**

Đỗ Thị Lệ Hằng ***Nguyễn Thị Ngọc Thu*** ***Cao Thị Thanh Trúc***